

Số: 667/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 04 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Quy hoạch chung xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu đến năm 2045**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật số 144/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP, ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP, ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP, ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD, ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết về một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD, ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD, ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1585/QĐ-TTg, ngày 07/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-UBND, ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu đến năm 2045;*

Theo đề nghị của UBND xã Nậm Hàng tại Tờ trình số 699/TTr-UBND ngày 03/4/2026 về việc trình phê duyệt Quy hoạch chung xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu đến năm 2045 và Báo cáo thẩm định số 1347/BC-SXD ngày 22/3/2026 của Sở Xây dựng về việc thẩm định Quy hoạch chung xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu đến năm 2045.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu đến năm 2045 với những nội dung chủ yếu như sau:

### **1. Phạm vi, quy mô diện tích lập quy hoạch**

#### **1.1. Vị trí**

- Phạm vi lập quy hoạch: Vị trí, phạm vi lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính của xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu. Ranh giới quy hoạch được xác định như sau:

- + Phía Bắc giáp xã Hua Bum;
- + Phía Nam giáp tỉnh Điện Biên;
- + Phía Đông giáp xã Lê Lợi;
- + Phía Tây giáp xã Mường Mô.

#### **1.2. Quy mô**

- Tổng diện tích lập quy hoạch: 33.530,12 ha.
- Dân số hiện trạng: 11.218 người .

#### **1.3. Thời gian lập quy hoạch**

- Ngắn hạn: Đến năm 2030.
- Dài hạn: Đến năm 2045.

### **2. Quan điểm, mục tiêu**

#### **2.1. Quan điểm quy hoạch**

Phát triển xã Nậm Hàng theo hướng hài hòa, bền vững, phù hợp định hướng Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Quy hoạch tỉnh Lai Châu và các chương trình mục tiêu quốc gia; khai thác hiệu quả tiềm năng địa phương để phát triển nông - lâm nghiệp hàng hóa, dược liệu, năng lượng tái tạo, dịch vụ - thương mại và du lịch sinh thái - cộng đồng. Tổ chức không gian và hạ tầng đồng bộ, có trọng tâm, ưu tiên nâng cấp các khu dân cư hiện hữu gắn với

bảo tồn bản sắc văn hóa; gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ rừng và phòng chống thiên tai. Đồng thời bảo đảm quốc phòng - an ninh và phát huy sự tham gia của cộng đồng, huy động nguồn lực xã hội hóa trong quá trình phát triển.

## **2.2. Mục tiêu quy hoạch**

### **2.2.1. Mục tiêu ngắn hạn**

- Từng bước hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí đô thị loại III đối với khu vực đô thị Nậm Hàng. Xây dựng khu vực đô thị từng bước trở thành trung tâm hành chính - kinh tế - dịch vụ của khu vực.

- Ổn định không gian toàn xã sau sáp nhập; hoàn thiện hạ tầng thiết yếu, tăng cường kết nối giao thông.

- Phát triển kinh tế xanh, bền vững; tái cơ cấu nông - lâm nghiệp theo hướng hàng hóa, ứng dụng công nghệ, gắn với chế biến và thị trường.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển công nghiệp năng lượng và du lịch lòng hồ Sông Đà; phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch sinh thái, cộng đồng. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và rừng đầu nguồn; cải thiện cảnh quan nông thôn.

- Nâng cao đời sống người dân, phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm và giảm nghèo bền vững.

- Xây dựng nông thôn mới nâng cao, hướng tới hiện đại, thông minh và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định và vai trò vùng phòng hộ lưu vực sông Đà.

Đến năm 2030, xã Nậm Hàng trở thành khu vực phát triển tương đối ổn định, có kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ; kinh tế phát triển theo hướng xanh với trọng tâm là nông - lâm nghiệp hàng hóa, công nghiệp năng lượng và dịch vụ - du lịch; đời sống người dân được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, từng bước đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

### **2.2.2. Mục tiêu dài hạn**

- Xây dựng khu vực trung tâm xã (thị trấn Nậm Nhùn cũ) trở thành đô thị phát triển theo hướng hiện đại; là trung tâm năng lượng tái tạo và công nghiệp hỗ trợ gắn với cụm thủy điện lưu vực sông Đà. Khu vực đô thị hoàn thiện tiêu chí đô thị loại III, đồng thời từng bước nâng cao một số tiêu chí tiệm cận đô thị loại II.

- Phát triển xã theo hướng bền vững, tổ chức không gian đồng bộ, gắn kết hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn; hình thành diện mạo đô thị hiện đại

gắn với bản sắc văn hóa địa phương; xây dựng nông thôn mới hiện đại phù hợp điều kiện tự nhiên, địa hình, bảo vệ môi trường và đặc trưng bản địa, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại; nâng cao toàn diện chất lượng sống của người dân; sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai.

Đến năm 2045, xã Nậm Hàng trở thành khu vực phát triển toàn diện, hiện đại và bền vững; là hạt nhân phát triển của vùng phía Tây Bắc tỉnh Lai Châu; cơ bản hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III, có hạ tầng đồng bộ, kinh tế đa ngành (nông nghiệp sinh thái, năng lượng sạch, dịch vụ chất lượng cao), môi trường sống chất lượng, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng - an ninh.

### **3. Tính chất, chức năng, vai trò**

#### **3.1. Tính chất**

- Là trung tâm năng lượng tái tạo và công nghiệp hỗ trợ gắn với cụm thủy điện lưu vực sông Đà; phát triển theo định hướng đô thị công nghiệp năng lượng, là đầu mối điều phối và cung cấp dịch vụ hậu cần cho các dự án năng lượng trong khu vực.

- Là trung tâm hành chính - dịch vụ và giao thương khu vực, gắn với phát triển nông - lâm nghiệp hàng hóa, chế biến nông lâm sản và du lịch sinh thái - cộng đồng.

- Là khu vực sinh thái và phòng hộ đầu nguồn quan trọng, bảo vệ rừng, đảm bảo an ninh nguồn nước lưu vực sông Đà và giữ vai trò chiến lược về quốc phòng - an ninh khu vực Tây Bắc.

#### **3.2. Vai trò, chức năng**

##### **3.2.1. Vai trò:**

- Hạt nhân phát triển khu vực phía Bắc tỉnh Lai Châu, định hướng phát triển theo mô hình đô thị công nghiệp năng lượng, từng bước hình thành trung tâm điều phối và dịch vụ hậu cần phục vụ hệ thống thủy điện và các dự án năng lượng trên sông Đà.

- Khu vực có vai trò quan trọng trong bảo vệ rừng đầu nguồn, thực hiện chức năng phòng hộ đặc biệt xung yếu, góp phần đảm bảo an ninh sinh thái và an ninh nguồn nước lưu vực sông Đà.

- Không gian phát triển kinh tế tổng hợp gắn với lâm nghiệp, nông nghiệp hàng hóa, dược liệu dưới tán rừng, nuôi trồng thủy sản đặc sản và du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Lai Châu.

- Điểm kết nối giao thông và dịch vụ của khu vực, với hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy từng bước được đầu tư, góp phần thúc đẩy liên kết phát triển kinh tế – xã hội trong vùng.

### **3.2.2. Chức năng**

Xã Nậm Hàng được định hướng là trung tâm năng lượng và công nghiệp hỗ trợ các dự án điện của khu vực, đồng thời giữ vai trò trung tâm hành chính - dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người dân trong xã và khu vực lân cận. Bên cạnh đó, phát triển không gian kinh tế nông - lâm nghiệp bền vững, gắn với quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, từng bước khai thác hiệu quả các tiềm năng sinh thái phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

## **4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch**

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất của điểm dân cư nông thôn, quy định tại Quy chuẩn quốc gia QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; Khu vực phát triển đô thị được kế thừa theo đồ án quy hoạch chung thị trấn Nậm Nhùn đã được phê duyệt, trong đó có cập nhật, điều chỉnh một số nội dung để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của xã sau khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

### **4.1. Dự báo dân số:**

- Dân số quy hoạch đến năm 2030: khoảng 12.240 người.
- Dân số quy hoạch đến năm 2045: khoảng 16.470 người.

### **4.2. Dự báo lao động:**

- Dự báo lao động xã đến năm 2030 khoảng 7.780 người.
- Dự báo lao động xã đến năm 2045 khoảng 10.470 người.

## **5. Các nội dung chính của quy hoạch**

### **5.1. Phân vùng phát triển**

Toàn xã được phân 02 tiểu vùng phát triển trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng và định hướng phát triển:

- *Tiểu vùng I: Vùng trung tâm phát triển đô thị Nậm Hàng.*

+ Phạm vi: Khu vực trung tâm xã và các khu vực phụ cận dọc trục ĐT.127, mở rộng đến các vùng ven lòng hồ thủy điện; diện tích khoảng 2.240,8 ha.

+ Chức năng: Là trung tâm hành chính - chính trị, thương mại, dịch vụ tổng hợp của xã; đầu mối phát triển đô thị, logistics, năng lượng tái tạo và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chế biến nông lâm sản.

+ Định hướng phát triển: Phát triển theo mô hình đô thị nông thôn với mật độ dân cư cao, tập trung hệ thống hạ tầng xã hội; ưu tiên hoàn thiện hạ tầng giao thông, điện và kết nối các cụm sản xuất. Thu hút đầu tư công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo; phát triển dịch vụ thương mại, logistics. Đồng thời hình thành các điểm du lịch sinh thái, văn hóa cộng đồng gắn với không gian lòng hồ và bản sắc dân tộc địa phương.

- *Tiểu vùng II: Vùng phát triển nông lâm nghiệp bền vững*

+ Phạm vi: Bao gồm các bản vùng cao và các khu vực có địa hình đồi núi dốc, chủ yếu thuộc xã Nậm Manh và Nậm Hàng cũ, diện tích khoảng 31.289,2 ha.

+ Chức năng: Là vùng phát triển nông – lâm nghiệp hàng hóa theo hướng xanh, kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ sinh thái; kết hợp khai thác giá trị cảnh quan lòng hồ và hệ thống thủy điện phục vụ phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

+ Định hướng phát triển: Tổ chức các vùng sản xuất tập trung (quế, tre măng, cây ăn quả, lúa chất lượng cao, dược liệu); phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, an toàn. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nâng cao hiệu quả kinh tế dưới tán rừng. Đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh; ổn định, sắp xếp dân cư an toàn, bảo tồn kiến trúc truyền thống. Đồng thời phát triển du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm nông nghiệp - sinh thái gắn với không gian lòng hồ và cảnh quan thủy điện, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

## **5.2. Định hướng phát triển không gian tổng thể**

- Khu vực trung tâm xã: Định hướng phát triển theo mô hình đô thị công nghiệp năng lượng, là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ hậu cần (logistics), từng bước đầu tư hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III.

- Khu vực dân cư: Cải tạo khu hiện hữu, phát triển các khu dân cư mới đồng bộ về hạ tầng. Quy hoạch các khu dân cư mới tại các vị trí phù hợp.

- Khu vực sản xuất nông - lâm nghiệp: Phát triển sản xuất tập trung, tăng cường kết nối vùng. Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có, nâng tỷ lệ che phủ rừng; phát triển dược liệu dưới tán rừng.

- Khu vực phát triển du lịch: Khai thác cảnh quan lòng hồ sông Đà, phát triển du lịch sinh thái lòng hồ gắn với hoạt động tham quan thủy điện, du thuyền, chèo thuyền; phát triển du lịch cộng đồng, du lịch gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Khu vực công nghiệp và năng lượng tái tạo. Duy trì vận hành ổn định thủy điện hiện có (thủy điện Lai Châu, Huổi Văn và Nậm Cuối). Quy hoạch các dự án thủy điện, điện mặt trời có tiềm năng trên địa bàn xã. Phát triển cụm công

nghiệp Nậm Nhùn; Thu hút đầu tư các dự án công nghiệp chế biến nông lâm sản tập trung (chế biến măng xuất khẩu, tinh dầu quế, ...).

### **5.3. Định hướng tổ chức không gian các khu chức năng**

#### **5.3.1. Định hướng phát triển khu vực đô thị**

##### **a) Vị trí, quy mô:**

- Vị trí: Đô thị Nậm Hàng gồm các khu: Tổ dân phố Nậm Nhùn, Tổ dân phố Noong Kiêng, Tổ dân phố Nậm Hàng, Tổ dân phố Pá Kéo, Tổ dân phố Sông Đà, bản Nậm Dòn, khu vực ven ĐT.127 và một phần khu vực giáp sông Đà. Ranh giới xác định: Phía Đông giáp khu đồi núi và bản Huổi Pét; phía Tây giáp nhà máy thủy điện Lai Châu và rừng sản xuất; phía Nam giáp sông Đà; phía Bắc giáp rừng sản xuất;

- Quy mô: Khoảng 2.240,8 ha.

##### **b) Định hướng chung:**

Khu vực đô thị Nậm Hàng (thuộc tiểu vùng I) được định hướng phát triển là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại dịch vụ của toàn xã, đóng vai trò trung tâm tổng hợp và là động lực phát triển, từng bước hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III.

##### **c) Tổ chức không gian đô thị:**

Không gian đô thị Nậm Hàng được tổ chức theo cấu trúc đô thị dạng tuyến, phân tán, thích ứng với điều kiện địa hình; định hướng phát triển theo mô hình đô thị sinh thái, gắn với bảo tồn cảnh quan tự nhiên.

- Trục động lực trung tâm: Tuyến ĐT.127 và các trục kết nối liên khu vực được xác định là trục phát triển chủ đạo, đóng vai trò xương sống tổ chức không gian đô thị. Dọc theo trục bố trí các chức năng hành chính - chính trị, thương mại - dịch vụ và công trình hạ tầng xã hội, hình thành dải phát triển đô thị tập trung.

- Hệ thống kết nối ngang và không gian mở: Tổ chức các tuyến kết nối ngang nhằm liên kết khu trung tâm với các khu dân cư, khu sản xuất và các điểm du lịch; đồng thời mở rộng không gian đô thị theo hướng gắn với hệ thống suối và lòng hồ Sông Đà, khai thác hiệu quả giá trị cảnh quan và tầm nhìn.

- Hành lang sinh thái và mặt nước đóng vai trò khung cấu trúc tự nhiên, bao gồm lòng hồ, suối và các dải cây xanh; được bảo vệ và khai thác như không gian công cộng, du lịch và điều hòa môi trường, góp phần hình thành “mạng lưới xanh” liên hoàn cho toàn đô thị.

##### **d) Phát triển các khu chức năng đô thị:**

- Khu trung tâm hành chính - chính trị: Cải tạo, chỉnh trang và từng bước đầu tư đồng bộ theo hướng hiện đại, tập trung các công trình như trung tâm chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đóng vai trò trung tâm điều hành và phục vụ dân cư toàn xã.

- Khu thương mại - dịch vụ: Phát triển các khu thương mại dịch vụ tập trung, chợ trung tâm dọc theo trục chính và các tuyến chính;

- Khu dân cư đô thị: Phát triển các khu dân cư theo mô hình tập trung, đồng bộ hạ tầng; kết hợp cải tạo chỉnh trang khu ở hiện hữu với phát triển khu ở mới; tổ chức không gian ở hài hòa với địa hình và cảnh quan.

- Khu sản xuất - công nghiệp và năng lượng: Tổ chức các khu sản xuất tập trung dọc trục giao thông đối ngoại, gần với vùng nguyên liệu, ưu tiên chế biến nông - lâm sản; phát triển năng lượng tái tạo (điện mặt trời); hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, bố trí cây xanh cách ly, đảm bảo môi trường và cảnh quan.

- Không gian công cộng, cây xanh và cảnh quan: Hình thành hệ thống công viên trung tâm, không gian cây xanh, mặt nước gần với khu trung tâm, khu vực lòng hồ Sông Đà và các suối; tạo không gian sinh hoạt cộng đồng, nâng cao chất lượng môi trường đô thị.

- Không gian du lịch và văn hóa bản sắc: Tổ chức các điểm và khu du lịch gần với cảnh quan lòng hồ Sông Đà và hệ thống suối; trọng tâm tại TDP Nậm Nhùn với phát triển du lịch cộng đồng mang bản sắc dân tộc Thái. Định hướng du lịch sinh thái, trải nghiệm gần với bảo tồn kiến trúc truyền thống; kết hợp chặt chẽ với hệ thống dịch vụ - thương mại, góp phần tạo bản sắc và nâng cao sức hấp dẫn cho khu vực đô thị trung tâm.

### 5.3.2. Định hướng tổ chức các điểm dân cư nông thôn

- Thực hiện chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội các bản, tổ dân phố hiện có; cải tạo kiến trúc cảnh quan phù hợp với đặc thù văn hóa địa phương.

- Sắp xếp, ổn định dân cư: Chủ động rà soát, tổ chức lại các hộ dân cư tại khu vực mất an toàn; ưu tiên bố trí quỹ đất tái định cư tập trung nhằm chủ động phòng chống thiên tai.

- Đất ở mới: Phát triển các khu dân cư theo mô hình tập trung, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật; thực hiện bố trí đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp nhu cầu phát triển và quy hoạch.

### 5.3.3. Hạ tầng xã hội

- Trung tâm hành chính: Kế thừa trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Nậm Nhùn (cũ) đã được đầu tư đồng bộ về quy mô, kiến trúc và hạ tầng



kỹ thuật, tổ chức theo mô hình trung tâm hành chính tập trung, cơ sở vật chất cơ bản hoàn chỉnh. Tiếp tục duy trì, khai thác ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động và định hướng phát triển trung tâm xã trong giai đoạn quy hoạch tới.

- Y tế: Hệ thống Y tế gồm Bệnh viện Đa khoa Nậm Nhùn, Trạm Y tế xã và các điểm y tế Nậm Manh, Nậm Dồn, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu. Cơ sở vật chất còn thiếu, chưa đạt chuẩn quốc gia. Giai đoạn tới giữ nguyên quỹ đất, tập trung nâng cấp, bổ sung trang thiết bị để nâng cao chất lượng dịch vụ theo quy định.

- Giáo dục: Đến 2030 hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng mức độ chuẩn các trường học; đến 2045 mở rộng hệ thống trường, phát triển giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm đáp ứng nhu cầu dân số.

- Văn hóa, thể thao: Đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa, trung tâm thể thao, công viên; đến 2045 tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện theo tiêu chí nông thôn mới hiện đại.

#### 5.3.4. An ninh, quốc phòng

Đến năm 2030 xây dựng hệ thống công trình quốc phòng (căn cứ chiến đấu, thao trường, khu phòng thủ, ...) theo quy hoạch; đến năm 2045 tiếp tục hoàn thiện, hình thành thể trận quốc phòng liên hoàn, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, trật tự.

#### 5.3.5. Du lịch

- Đến 2030: Phát triển du lịch sinh thái tuyến lòng hồ sông Đà, du lịch cộng đồng và trải nghiệm văn hóa dân tộc; hình thành các điểm du lịch tại TDP Nậm Nhùn, Huổi Chát, Nậm Manh Huổi Héo và các điểm tham quan ven sông Đà.

- Đến 2045: Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, hình thành hệ thống điểm du lịch đặc trưng, liên kết vùng (Điện Biên - Mường Lay - Sìn Hồ - Mường Tè).

#### 5.3.6. Thương mại - dịch vụ

- Đến 2030: Phát triển thương mại dịch vụ gắn với du lịch và chuyển đổi số, tỷ trọng lao động dịch vụ đạt 22%.

- Đến 2045: Đầu tư siêu thị quy mô khoảng 500m<sup>2</sup> và 02 cửa hàng xăng dầu quy mô 600-1.000m<sup>2</sup> tại trung tâm xã, hoàn thiện hệ thống thương mại - dịch vụ, hình thành các khu phố thương mại tại trung tâm và các tiểu vùng.

#### 5.3.7. Nông nghiệp, lâm nghiệp

- Đến 2030: Phát triển nông nghiệp hàng hóa, vùng lúa chất lượng cao, dược liệu, rau an toàn; hình thành chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ; phát triển chăn nuôi tập trung, thủy sản.

- Đến 2045: Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, kinh tế xanh; đẩy mạnh chuyển đổi số, liên kết chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người dân.

#### 5.3.8. Công nghiệp

- Đến 2030: Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, dược liệu; năng lượng tái tạo, khu tiểu thủ công nghiệp, khai thác vật liệu xây dựng theo hướng bền vững.

- Đến 2045: Phát triển công nghiệp theo hướng ổn định, nâng cao chất lượng, trở thành động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**5.4. Quy hoạch sử dụng đất** (có Bảng chỉ tiêu sử dụng đất các giai đoạn quy hoạch kèm theo).

#### 5.5. Định hướng hạ tầng kỹ thuật chung toàn xã

##### 5.5.1. Chuẩn bị kỹ thuật

###### a) Cao độ nền:

- Khu vực hiện trạng: Đối với khu vực xây dựng mật độ cao, giữ nguyên cao độ hiện trạng, nâng cốt nền công trình khi cải tạo, xây dựng mới để hạn chế ngập úng cục bộ. Đối với khu vực mật độ thấp, cho phép tôn nền cục bộ, bảo đảm kết nối hài hòa với khu vực xung quanh.

- Khu vực xây mới: Khu vực gần suối, khe tụ thủy phải tôn nền bảo đảm cao hơn mực nước tính toán ( $\geq 0,3\text{m}$  đối với đất dân dụng;  $\geq 0,5\text{m}$  đối với đất công nghiệp).

###### b) Thoát nước mưa:

- Các điểm dân cư hiện hữu: Sử dụng hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải. Giai đoạn sau tùy theo tính chất và sự phát triển của mỗi điểm dân cư có thể tách riêng hai hệ thống thoát nước.

- Các điểm dân cư mới khu trung tâm xã: Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn. Nước mưa trên toàn bộ bề mặt khu vực thiết kế sẽ được gom về các tuyến công thoát nước dọc theo các trục giao thông sau đó được xả thẳng ra nguồn tiếp nhận.

- Các khu, cụm sản xuất tập trung, khu quy hoạch mới phải tách riêng hai hệ thống thoát nước giữa nước mưa và nước thải.

- Hướng thoát: Nước mưa tại các khu vực phát triển xây dựng sẽ được thu gom bằng mạng lưới đường cống, rãnh và kênh mương.

- Các điểm xả thoát nước mặt tự nhiên, hướng thoát về các mương hiện trạng sau đó thoát ra các suối hiện trạng.

### 5.5.2. Định hướng phát triển hệ thống giao thông

#### a) Quy hoạch hệ thống đường bộ

##### \* Giao thông đối ngoại:

- Nâng cấp, cải tạo ĐT.127 quy mô dự kiến đến năm 2030 đạt cấp III–V, định hướng đến năm 2050 đạt cấp III–IV.
- Nâng cấp, cải tạo ĐT.126 quy mô dự kiến đến năm 2030 đạt GTNT A – cấp VI, định hướng nâng cấp đạt cấp IV–V.
- Nâng cấp, cải tạo đường kết nối bản Huổi Van – cầu Pá Bon: Quy mô dự kiến đạt đường giao thông nông thôn, cấp V–VI.
- Quy hoạch đường liên xã Hua Bum – Nậm Hàng quy mô dự kiến đạt đường giao thông nông thôn, cấp V–VI.
- Quy hoạch tuyến đường Nậm Pồ (xã Nậm Mạnh cũ) đi phường Mường Lay (Điện Biên) cấp IV miền núi.

##### \* Khu vực đô thị:

- + Trục chính đô thị: Tiếp tục nâng cấp, cải tạo ĐT.127 đoạn qua trung tâm xã theo tiêu chuẩn đường đô thị, đóng vai trò trục đối ngoại và liên kết vùng chủ đạo, tạo lập không gian kiến trúc cảnh quan trọng điểm của đô thị.
- + Hệ thống đường khu vực: Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường nhựa hiện trạng đạt quy chuẩn đường đô thị, hình thành khung hạ tầng kết nối các khu chức năng.
- + Mạng lưới đường nội bộ: Xây dựng mới hệ thống đường nhánh và đường nội bộ kết nối trực tiếp với trục ĐT.127 và đường chính khu vực;

\* *Giao thông đối nội*: Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường xã hiện có; xây dựng các tuyến kết nối liên vùng, tuyến trục khu trung tâm, tuyến phục vụ phát triển sản xuất, du lịch và dân sinh; từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo tiêu chí nông thôn mới và định hướng đô thị hóa.

\* *Giao thông thôn, bản và nội đồng*: Cải tạo, nâng cấp các tuyến hiện trạng theo quy mô phù hợp, bảo đảm kết nối thông suốt giữa trung tâm xã với các bản, khu sản xuất và khu chức năng.

\* *Bến xe, bãi đỗ xe*: Hiện nay xã Nậm Hàng đã có 01 bến xe khách với quy mô khoảng 3.900m<sup>2</sup>. Định hướng mở rộng quy mô, diện tích đáp ứng theo tiêu chí bến xe loại 4 trở lên.

#### b) Đường thủy:

Quy hoạch bến Nậm Hàng trên lòng hồ thủy điện Lai Châu (sông Đà), phục vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách, tăng cường kết nối giao thông đường thủy khu vực.

#### 5.4.3. Cấp điện

- Nguồn điện cung cấp cho xã Nậm Hàng được lấy từ lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp cao thế 110/35/6kV Thủy điện Lai Châu - 1x25MVA.

- Khu vực đô thị: Cải tạo lưới trung thế 35kV hiện trạng sang lưới 22kV đi ngầm; xây dựng các tuyến trung thế 22kV cấp điện cho khu trung tâm và các khu dân cư theo quy hoạch. Lưới hạ áp được tổ chức dạng mạch vòng đi ngầm, có liên kết dự phòng, đảm bảo cấp điện an toàn, liên tục và phù hợp định hướng phát triển đô thị.

- Khu vực nông thôn: Duy trì, cải tạo hệ thống lưới điện hiện có; xây dựng mới, hoàn thiện lưới điện trung thế, hạ thế theo hướng liên kết mạch vòng, bảo đảm cấp điện an toàn, ổn định cho sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ.

- Hệ thống chiếu sáng được đầu tư theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, đáp ứng yêu cầu mỹ quan và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với khu vực trung tâm và các trục giao thông chính.

#### 5.5.4. Cấp nước

##### a. Nguồn nước:

- Nước được lấy từ nguồn suối. Tại những vị trí nguồn nước, xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung. Tận dụng địa hình tự chảy cung cấp nước đến vị trí cung cấp nước.

- Tận dụng nước tại suối có trong khu vực để cung cấp nguồn nước cho nhà máy nước hiện có và dự kiến trong tương lai.

##### b. Giải pháp cấp nước:

- Khu vực đô thị: Tiếp tục sử dụng nguồn nước từ nhà máy nước sạch Nậm Nhùn; đầu tư nâng cấp, mở rộng công suất đáp ứng nhu cầu đến năm 2045.

- Khu vực nông thôn: Duy trì và nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; bổ sung hồ treo, trạm lọc quy mô nhỏ phù hợp. Mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước đến các khu dân cư, công trình công cộng và khu vực phát triển điểm dân cư mới, đảm bảo cấp nước ổn định. Phấn đấu đến năm 2030 trên 80% dân số được sử dụng nước sạch, đến năm 2045 đạt 100%.

#### 5.5.5. Thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang

##### a) Nước thải

\* Khu vực đô thị: Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Toàn bộ nước

thải được thu gom qua hệ thống riêng, đưa về trạm xử lý nước thải tập trung.

*\* Khu vực nông thôn*

Đối với khu vực các bản sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng. Nước thải và nước mưa được thu gom chung cùng mạng lưới, sử dụng các giếng tách dòng ở cuối hệ thống thu gom, tách phần nước thải ra để xử lý tại các trạm xử lý nước thải cục bộ. Vị trí và mạng lưới sẽ được cụ thể hóa ở bước lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

*b) Chất thải rắn*

- Tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn; tăng cường thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt, y tế, tiểu thủ công nghiệp được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý phù hợp; chất thải nguy hại được quản lý riêng;

- Quy hoạch cơ sở xử lý chất thải rắn xã Nậm Hàng quy mô 9,3 ha tại khu vực thị trấn Nậm Nhùn cũ và các điểm thu gom tại các bản.

*c) Nghĩa trang*

- Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang hiện hữu theo hướng bảo đảm vệ sinh môi trường, cây xanh cách ly và phù hợp tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại, đồng thời thống nhất với quy hoạch sử dụng đất.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang tập trung tại vị trí trung tâm xã với diện tích 10ha.

*5.5.6. Viễn thông*

- Phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông đồng bộ, hiện đại theo định hướng chung của tỉnh; ứng dụng công nghệ truyền dẫn tiên tiến, phục vụ chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của Nhân dân.

**5.6. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:** Ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng: Chủ trì kiểm tra, đóng dấu thẩm định hồ sơ quy hoạch theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật.

### 3. Ủy ban nhân dân xã Nậm Hàng:

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch để các tổ chức, cá nhân và nhân dân biết, thực hiện theo quy định.
- Lập hồ sơ cấm mốc và tổ chức thực hiện cấm mốc theo quy định
- Tổ chức lập, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện quy hoạch chung xã.
- Tổ chức lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết để cụ thể hóa quy hoạch chung làm cơ sở để triển khai thực hiện các dự án và thu hút đầu tư; quản lý chặt chẽ quỹ đất xây dựng theo quy hoạch và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo phân cấp của UBND tỉnh.
- Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ quy hoạch theo quy định.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Quy hoạch chung xã Nậm Hàng được phê duyệt tại Quyết định này thay thế các đồ án quy hoạch chung xây dựng của các xã, thị trấn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, bao gồm: Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn Nậm Nhùn và vùng phụ cận đến năm 2035 và các quyết định điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung có liên quan; Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Nậm Nhùn về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021- 2030; Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Nậm Nhùn về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Nậm Mạnh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2030.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nậm Hàng và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (B/c);
- TT. HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: V2;
- Lưu: VT, Kt1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Trọng Hải**